

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025  
DÀNH CHO SINH VIÊN CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY - KHÓA 17 (ĐỢT 2)

| TT | Ký hiệu HP | Tên học phần                                | Số_TC | Lớp MH                     | SL SV | Thời gian thi    | Ghi chú   |
|----|------------|---------------------------------------------|-------|----------------------------|-------|------------------|-----------|
| 1  | TCHN(S1)   | Tổ chức hoạt náo (S1)                       | 2     | 17TCHN_01                  | 26    | 08g00 12/12/2024 | Thực hành |
| 2  | TCHN(S2)   | Tổ chức hoạt náo (S2)                       | 2     | 17TCHN_02                  | 28    | 13g30 12/12/2024 | Thực hành |
| 3  | HDDL(S1)   | Hướng dẫn du lịch (S1)                      | 4     | 17HDDL_01                  | 27    | 08g00 13/12/2024 | Thực hành |
| 4  | HDDL(S2)   | Hướng dẫn du lịch (S2)                      | 4     | 17HDDL_02                  | 28    | 13g30 13/12/2024 | Thực hành |
| 5  | KTCPGT     | Kế toán chi phí – Giá thành                 | 3.0   | 17KTCPGT_01                | 44    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 6  | NVHCVP     | Nghiệp vụ hành chính văn phòng              | 2.0   | 17NVHC45_01                | 22    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 7  | QTBL       | Quản trị bán lẻ                             | 2.5   | 17QTBL_01                  | 20    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 8  | QTCU       | Quản trị cung ứng                           | 3.0   | 17QTCU_01                  | 49    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 9  | TAQH2      | Tiếng Anh ngành QT Nhà hàng và DV Ăn uống 2 | 2.0   | 17TAQH2_01                 | 20    | 08g00 18/12/2024 | Vấn đáp   |
| 10 | QTBPTS     | Quản trị bộ phận tiền sảnh                  | 3.0   | 17QTBPTS_01<br>17QTBPTS_02 | 59    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 11 | DVLG       | Dịch vụ logistics                           | 3.0   | 17DVLG_01                  | 15    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 12 | HVKH(S2)   | Hành vi khách hàng (S2)                     | 2.0   | 17HVKH_01                  | 39    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 13 | QTKPP(S2)  | Quản trị kênh phân phối (S2)                | 3.0   | 17QTKPP_01                 | 43    | 08g00 18/12/2024 |           |
| 14 | KTLCCH     | Kế toán lưu chuyển hàng hóa                 | 3.0   | 17KTLCCH_01                | 46    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 15 | KNGTDL     | Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch  | 2.0   | 17KNGTDL_01<br>17KNGTDL_02 | 58    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 16 | NCMAR      | Nghiên cứu Marketing                        | 2.5   | 17NCMAR_01<br>17NCMAR_02   | 85    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 17 | QTCL(S2)   | Quản trị chất lượng (S2)                    | 2.5   | 17QTCL_02<br>17QTCL_03     | 52    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 18 | TPHHH      | Thương phẩm học hàng hoá                    | 2.5   | 17TPHHH_01                 | 20    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 19 | TLKH(S2)   | Tâm lý khách hàng (S2)                      | 2.5   | 17TLKH_01                  | 49    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 20 | VHAM       | Văn hóa Anh-Mỹ                              | 2.0   | 17VHAM_01                  | 21    | 09g30 18/12/2024 |           |
| 21 | KTQTRI     | Kế toán quản trị                            | 2.0   | 17KTQTRI_01                | 44    | 08g00 19/12/2024 |           |
| 22 | QTTH       | Quản trị thương hiệu                        | 2.0   | 17QTTH_01<br>17QTTH_02     | 80    | 08g00 19/12/2024 |           |

| TT | Ký hiệu HP  | Tên học phần                        | Số_TC | Lớp MH                                                   | SL SV | Thời gian thi    | Ghi chú   |
|----|-------------|-------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------|-------|------------------|-----------|
| 23 | TMDT        | Thương mại điện tử                  | 2.0   | 17TMDT_01<br>17TMDT_02<br>17TMDT_03<br>17TMDT_04         | 111   | 08g00 19/12/2024 |           |
| 24 | NVBUONG(S1) | <b>Nghệp vụ buồng (S1)</b>          | 2.5   | 17NVBUONG_01<br>17NVBUONG_02                             | 39    | 08g00 19/12/2024 | Thực hành |
| 25 | TKKD        | Thông kê kinh doanh                 | 3.0   | 17TKKD_01                                                | 53    | 09g30 19/12/2024 |           |
| 26 | TAXNK2      | Tiếng Anh ngành KD xuất nhập khẩu 2 | 2.0   | 17TAXNK2_01                                              | 16    | 09g30 19/12/2024 |           |
| 27 | LUATKTE(S2) | Luật kinh tế (S2)                   | 2.5   | 17LUATKTE_02<br>17LUATKTE_05<br>17LUATKTE_06             | 93    | 09g30 19/12/2024 |           |
| 28 | QTGIA(S2)   | Quản trị giá (S2)                   | 1.5   | 17QTGIA_01                                               | 40    | 09g30 19/12/2024 |           |
| 29 | NVBUONG(S2) | <b>Nghệp vụ buồng (S2)</b>          | 2.5   | 17NVBUONG_02                                             | 20    | 08g00 20/12/2024 | Thực hành |
| 30 | GDTMQT      | Giao dịch thương mại quốc tế        | 3.0   | 17GDTMQT_01<br>17GDTMQT_02<br>17GDTMQT_03<br>17GDTMQT_04 | 110   | 08g00 20/12/2024 |           |
|    |             |                                     |       |                                                          |       |                  |           |

**Ghi chú:**  
- SV có thắc mắc về lịch thi, liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo **trước ngày 27/11/2024** để giải quyết;

*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2024*  
**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

**Lê Đức Doanh**